|  |  |
| --- | --- |
|  **CHÍNH PHỦ-------**Số: / /NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------***Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO****(lần 02)** |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư quy định tại Nghị định này bao gồm các hành vi sau:

a) Vi phạm quy định trong lĩnh vực quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;

b) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam;

c) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài;

d) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP);

đ) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu;

e) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

g) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp;

h) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh;

i) Vi phạm quy định trong lĩnh vực hợp tác xã;

k) Vi phạm quy định trong lĩnh vực quy hoạch.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực kế hoạch và đầu tư chưa được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng bị xử phạt**

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại các điều của Chương II Nghị định này.

**Điều 4. Mức phạt tiền trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư**

Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức, trừ các hành vi quy định tại Khoản 2 Điều 35, Điều 61, Điều 62, Điều 63 và Điều 64 của Nghị định này thì áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân. Cùng một hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 (một phần hai) mức phạt tiền đối với tổ chức.

**Điều 5. Thời điểm xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

2. Đối với hành vi vi phạm đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

**Chương II**

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT**

 **VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Mục 1. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 6. Vi phạm các quy định về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư khi chương trình trùng lặp với chương trình khác;

b) Không tuân thủ trình tự, thủ tục lập và thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Không tuân thủ trình tự, thủ tục và điều kiện điều chỉnh chương trình, dự án.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng đơn giá, định mức theo quy định;

b) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

c) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả các khoản chi phí bị tăng thêm do việc lập dự toán, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán chi phí lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng đơn giá, định mức đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc điều chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Buộc điều chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Vi phạm về chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động đầu tư công**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, không chính xác tình hình triển khai thực hiện chương trình, dự án;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến chương trình, dự án không đầy đủ, không chính xác.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án;

b) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong triển khai kế hoạch, chương trình, dự án.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

**Điều 8. Vi phạm quy định về thiết kế chương trình, dự án đầu tư công**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thiết kế chương trình, dự án không theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức và giải pháp kỹ thuật bảo đảm chất lượng;

1. Thiết kế vượt quá quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc điều chỉnh thiết kế theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức và giải pháp kỹ thuật bảo đảm chất lượng đối với vi phạm quy định Điểm a Khoản 1 Điều này;

 b) Buộc hoàn trả lại các chi phí thiết kế vượt quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 9. Vi phạm về việc theo dõi, đánh giá, kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công**

 Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

 1. Lập báo cáo theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án không trung thực, không khách quan.

 2. Không tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án.

 3. Không tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc chương trình, dự án.

 **Điều 10. Vi phạm về báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư**

 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

 a) Lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư không đúng thời hạn;

 b) Lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư không đầy đủ nội dung;

 c) Không cập nhật Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư lên Cổng thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư.

 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư không trung thực.

 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

 a) Buộc bổ sung các nội dung còn thiếu vào Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

 b) Buộc cập nhật Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư lên Cổng thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

**Điều 11. Vi phạm quy định về sử dụng vốn đầu tư công**

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng hoặc vượt tiêu chuẩn, định mức đã được phê duyệt.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thu hồi về ngân sách Nhà nước số vốn đầu tư công đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 12. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn đầu tư công có cấu phần xây dựng**

Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn đầu tư công có cấu phần xây dựng về khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình, quản lý chất lượng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư thì người có thẩm quyền xử phạt hành chính tại Nghị định này được xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

**Điều 13. Vi phạm về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức giám sát, đánh giá quá trình thực hiện chương trình, dự án ODA;

b) Thực hiện chương trình, dự án chậm tiến độ mà không có lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi triển khai chương trình, dự án không đúng các nội dung trong quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải tổ chức giám sát, đánh giá chương trình, dự án đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

**Điều 14. Vi phạm về chế độ báo cáo và cung cấp thông tin đối với chương trình, dự án ODA**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình, dự án ODA gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai lệch cho các bên hợp đồng, tư vấn lập và thực hiện chương trình, dự án ODA.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp thông tin, tài liệu chính xác cho các bên hợp đồng, tư vấn lập và thực hiện chương trình, dự án đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Mục 2. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 15. Vi phạm về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ báo cáo hoạt động đầu tư định kỳ theo quy định;

b) Báo cáo không trung thực về hoạt động đầu tư;

c) Quá thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC không gửi hồ sơ thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi đặt văn phòng điều hành;

d) Quá thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định ngừng hoạt động của dự án đầu tư nhưng nhà đầu tư không gửi thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư;

đ) Quá thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không thông báo hoặc không gửi quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung báo cáo định kỳ theo quy định đối với vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư đối với vi phạm quy định tại Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này.

**Điều 16. Vi phạm về điều kiện đầu tư kinh doanh tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đầu tư kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện nhưng không đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động;

b) Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế khi chưa có dự án đầu tư hoặc chưa thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trừ trường hợp thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa);

c) Thành lập tổ chức kinh tế không đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế không đáp ứng các điều kiện theo quy định;

b) Chuyển nhượng dự án đầu tư không đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối hành vi đầu tư kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật cấm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chấm dứt hoạt động đầu tư, kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 và Khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 17. Vi phạm về việc cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Hợp đồng BCC, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) nhưng không đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư nơi đặt Văn phòng điều hành.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư quá 24 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu (trừ trường hợp pháp luật cho phép).

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập hồ sơ dự án đầu tư không hợp pháp, không trung thực, không chính xác để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư;

b) Không thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp việc điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Không thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư đối với các trường hợp phải điều chỉnh theo quy định pháp luật. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

 a) Buộc thực hiện thủ tục đăng ký thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp BCC đối với vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

c) Buộc thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

 d) Buộc thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

**Điều 18. Vi phạm các quy định về ưu đãi đầu tư**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi do nhà đầu tư tự xác định;

b) Không thông báo lại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi không đáp ứng những điều kiện cam kết để được hưởng ưu đãi đầu tư trong thời gian hưởng ưu đãi.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không chính xác, không trung thực các thông tin cần thiết để được hưởng ưu đãi đầu tư. Trường hợp kê khai để hưởng ưu đãi đầu tư có vi phạm pháp luật về thuế thì xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả những ưu đãi đầu tư đã được hưởng không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**Điều 19. Vi phạm quy định về thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Không thực hiện bảo đảm dự án theo đúng thời hạn quy định;

b)Không thực hiện ký quỹ hoặc không có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ các trường hợp quy định khác;

c) Tăng vốn đầu tư của dự án mà không nộp bổ sung số tiền ký quỹ hoặc bổ sung bảo lãnh ký quỹ của tổ chức tín dụng;

d) Kê khai, lập hồ sơ không hợp pháp, không trung thực, không chính xác để được giảm tiền bảo đảm thực hiện dự án;

đ) Áp dụng mức bảo đảm thực hiện dự án thấp hơn mức quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện theo đúng nội dung tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Hợp đồng BCC.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện dự án trước khi được cấp chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Thực hiện dự án trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

c) Không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, thủ tục thanh lý dự án đầu tư và các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp bổ sung mức bảo đảm thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

c) Buộc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

d) Buộc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

đ) Buộc thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

**Mục 3. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 20. Vi phạm chế độ thông tin báo cáo hoạt động đầu tư ra nước ngoài**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư ra nước ngoài hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Không quản lý tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; không cập nhật hoặc cập nhật thông tin không đầy đủ, không chính xác và không đúng hạn lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư;

c) Quá thời hạn 01 tháng kể từ thời điểm dự án đầu tư ra nước ngoài có nội dung thay đổi nhưng không thuộc diện phải điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mà không cập nhật các nội dung thay đổi trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

 2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

 a) Buộc gửi báo cáo hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

 b) Buộc cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc cập nhật các nội dung thay đổi của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đối với vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

 **Điều 21. Vi phạm về điều kiện đầu tư ra nước ngoài**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đầu tư ra nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện khi không đáp ứng điều kiện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài khi không đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi đầu tư ra nước ngoài đối với ngành, nghề cấm đầu tư.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dừng hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc chấm dứt hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoàn 3 Điều này.

**Điều 22. Vi phạm về thủ tục đầu tư ra nước ngoài**

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong trường hợp pháp luật quy định phải điều chỉnh;

b) Không thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Không thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài trước khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

d) Dùng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư khác ở nước ngoài nhưng không thực hiện thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án đầu tư đó;

đ) Không thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong trường hợp pháp luật quy định phải chấm dứt.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đầu tư ra nước ngoài khi chưa thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định;

b) Lập hồ sơ không hợp pháp,không trung thực, không chính xác để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

d) Buộc thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

d) Buộc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

đ) Buộc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

**Điều 23. Vi phạm quy định về hoạt động đầu tư ở nước ngoài**

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

b) Không thực hiện đúng quy định về chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập từ việc đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam theo quy định;

c) Không chuyển vốn và tài sản hợp pháp khác về Việt Nam khi kết thúc dự án.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập từ việc đầu tư ra nước ngoài về Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc chuyển vốn và tài sản hợp pháp khác về Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

**Mục 4. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP), HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 24. Vi phạm về chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động đầu tư PPP**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chậm đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia so với thời hạn theo quy định của pháp luật về PPP;

b) Đăng tải thông tin về dự án PPP không đầy đủ nội dung hoặc không đúng nội dung được duyệt;

c) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến dự án PPP không đầy đủ, không chính xác;

d) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, không chính xác tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đăng tải thông tin về đấu thầu thực hiện dự án PPP.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không trung thực, không khách quan làm ảnh hưởng đến việc theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư theo phương thức PPP;

b) Cố ý lừa dối, hủy hoại, che giấu hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng tải thông tin về dự án PPP đầy đủ, đúng nội dung được duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến dự án PPP đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

d) Buộc đăng tải thông tin về đấu thầu thực hiện dự án PPP đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Điều 25. Vi phạm trong tiểu dự án PPP có cấu phần xây dựng**

Các hành vi vi phạm liên quan đến công tác khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình, quản lý chất lượng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán tiểu dự án có cấu phần xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt hành chính tại Nghị định này được xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

**Điều 26. Vi phạm quy định về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ trình tự, thủ tục lập và thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP;

b) Không tuân thủ trình tự, thủ tục và điều kiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP, điều chỉnh dự án PPP.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng đơn giá, định mức theo quy định;

b) Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả các khoản chi phí bị tăng thêm do việc lập dự toán, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán chi phí lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng đơn giá, định mức đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

**Điều 27. Vi phạm quy định trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ quy trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư không phù hợp quy định về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư;

c) Nội dung hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu không đúng quy định của pháp luật về PPP;

d) Không nêu hoặc nêu không đầy đủ hoặc không chính xác địa chỉ phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu trong thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu;

đ) Sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu nhưng không thực hiện thông báo theo quy định;

e) Không tiếp nhận hoặc tiếp nhận, quản lý hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư không đúng quy định;

g) Không phát hành hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thư mời thầu;

h) Không đóng, mở thầu theo đúng thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu, thư mời thầu.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu không đúng thẩm quyền;

b) Nêu các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra cạnh tranh không bình đẳng;

c) Không đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự đàm phán, hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư theo yêu cầu của hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu;

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư không đúng tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu nhưng không làm thay đổi kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư không đầy đủ nội dung, không chính xác, không đúng thẩm quyền;

e) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư không đúng tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu dẫn đến thay đổi kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

b) Triển khai thi công khi chưa ký kết hợp đồng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này.

**Điều 28. Vi phạm khác về lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư không đúng thời hạn quy định;

b) Thành lập Tổ chuyên gia không đủ thành phần theo tính chất, mức độ phức tạp của dự án và không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định;

c) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;

d) Không thực hiện đúng quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không hoàn trả hoặc không giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Điều 29. Vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện dự án**

 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp.

 2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

 a) Chuyển giao công trình dự án không đáp ứng điều kiện và thủ tục quy định;

 b) Cho phép thu phí khi chưa xác nhận hoàn thành công trình;

 c) Không thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

 a) Buộc tạm dừng thu phí đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

 b) Buộc thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

**Mục 5. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤU THẦU, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 30. Vi phạm các quy định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện không đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu không đầy đủ nội dung hoặc không đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Áp dụng phương thức lựa chọn nhà thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu và loại hợp đồng không phù hợp với quy mô, tính chất gói thầu;

b) Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu không đúng quy định trừ trường hợp pháp luật cho phép;

c) Không thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung thay đổi.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa được phê duyệt;

b) Chia quy mô các gói thầu không đáp ứng yêu cầu về tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu hoặc để tránh áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng.

**Điều 31. Vi phạm các quy định về hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập hồ sơ yêu cầu đối với các gói thầu thuộc công trình khẩn cấp, cấp bách;

b) Không đăng tải hoặc đăng tải không đầy đủ nội dung thuộc HSMT/E-HSMT;

c) Đăng tải hồ sơ mời thầu không thống nhất với nội dung đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi phê duyệt;

b) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không đúng thẩm quyền;

c) Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi không đủ điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Không thực hiện gia hạn thời gian đóng thầu khi việc sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu không đáp ứng thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà thầu có các tiêu chuẩn đánh giá không phù hợp với pháp luật đấu thầu.

b) Nêu các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra cạnh tranh không bình đẳng;

c) Nêu các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không phù hợp với quy mô, tính chất kỹ thuật của gói thầu;

d) Yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương giấy phép bán hàng đối với hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường, đã được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất;

đ) Yêu cầu năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu cao hơn mức yêu cầu của gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt;

b) Không lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu.

c) Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi chưa đủ điều kiện.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng tải lại hoặc bổ sung nội dung HSMT/E-HSMT đồng thời gia hạn thời gian đóng thầu (trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm trước thời điểm đóng thầu) đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 32. Vi phạm các quy định về tổ chức lựa chọn nhà thầu, ~~nhà đầu tư~~ và đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không nêu, nêu không đầy đủ hoặc không chính xác địa chỉ phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu, thư mời thầu;

b) Sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng không thực hiện thông báo theo quy định;

c) Không gửi thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hoặc thông báo không nêu rõ hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Không tiếp nhận hoặc tiếp nhận, quản lý hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà thầu theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đóng, mở thầu theo đúng thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng;

b) Không gửi hoặc chậm gửi biên bản mở thầu cho nhà thầu tham gia dự thầu;

c) Không đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu theo quy định;

d) Không tiến hành làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dẫn đến thay đổi kết quả đánh giá đối với nhà thầu.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu không đầy đủ nội dung, không chính xác, không đúng thẩm quyền;

b) Không tổ chức thẩm định danh sách ngắn, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Không tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi phê duyệt;

d) Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu không phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

đ) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu, nhà đầu tư không đúng tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng không làm thay đổi kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu không đúng tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dẫn đến thay đổi kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Cho phép nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu dẫn đến làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu.

**Điều 33. Vi phạm quy định về thương thảo hợp đồng, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tiến hành thương thảo hợp đồng hoặc thương thảo hợp đồng không bảo đảm nguyên tắc hoặc nội dung theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Không gửi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu;

c) Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu không đầy đủ hoặc không đúng nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không yêu cầu nhà thầu trúng thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định hoặc có bảo đảm thực hiện hợp đồng nhưng không đúng quy định;

b) Không thực hiện tịch thu hoặc không tịch thu được bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng khi nhà thầu thuộc trường hợp không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng;

c) Không hoàn trả hoặc không giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ký hợp đồng trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

b) Ký hợp đồng có nội dung không phù hợp với hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi triển khai thi công khi chưa ký kết hợp đồng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc yêu cầu nhà thầu trúng thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tịch thu bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

**Điều 34. Vi phạm quy định về đăng tải thông tin trong đấu thầu**

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu muộn hơn so với quy định nhưng trước thời điểm thông báo mời thầu, gửi thư mời thầu gói thầu, dự án thực hiện đầu tiên của kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau thời điểm thông báo mời thầu, gửi thư mời thầu gói thầu, dự án thực hiện đầu tiên của kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Đăng tải thông tin về đấu thầu chậm so với quy định (trừ các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điểu này).

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đăng tải thông tin về đấu thầu không đầy đủ nội dung hoặc không đúng nội dung được duyệt.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng tải các thông tin về đấu thầu.

**Điều 35. Vi phạm hành chính khác về đấu thầu**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư quá thời hạn quy định;

b) Thành lập Tổ chuyên gia không đủ thành phần theo tính chất, mức độ phức tạp của gói thầu và không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định;

c) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ, tài liệu trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

d) Không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định;

đ) Không báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu định kỳ theo quy định;

e) Không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc cung cấp không đúng thời hạn thông tin, hồ sơ, tài liệu về công tác đấu thầu để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu nhưng không có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Cá nhân tham gia Tổ chuyên gia hoặc tổ chức thẩm định các nội dung trong đấu thầu nhưng không có bản cam kết theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trích dẫn, sao chép, chỉnh sửa, phát hành, truyền tải lại thông tin về đấu thầu và các tài liệu kèm theo thông tin về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia dưới bất kỳ hình thức và phương tiện nào khi chưa được sự cho phép của Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp thông tin này được công khai là dữ liệu mở theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quy định về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

**Mục 6. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 36. Vi phạm quy định về lập danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất**

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lập, phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất không đáp ứng điều kiện dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

**Điều 37. Vi phạm quy định về hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi phê duyệt;

b) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không đúng thẩm quyền;

c) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư không phù hợp quy định về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ;

d) Không lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nêu các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra cạnh tranh không bình đẳng.

**Điều 38. Vi phạm quy định về tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không nêu hoặc nêu không đầy đủ hoặc không chính xác địa chỉ phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong thông báo mời thầu, thư mời thầu;

b) Sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng không thực hiện thông báo theo quy định;

c) Không tiếp nhận hoặc tiếp nhận, quản lý hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư không đúng quy định;

d) Không phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cho nhà đầu tư theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo mời thầu;

đ) Không đóng, mở thầu theo đúng thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu, thông báo mời thầu;

e) Không gửi biên bản mở thầu cho nhà đầu tư tham gia dự thầu;

g) Không đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư theo quy định;

h) Không thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

i) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư không đầy đủ nội dung, không chính xác, không đúng thẩm quyền;

k) Không tổ chức thẩm định danh sách ngắn, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

l) Không tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước khi phê duyệt;

m) Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư không phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư không đúng tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng không làm thay đổi kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

b) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư không đúng tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dẫn đến thay đổi kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

c) Cho phép nhà đầu tư làm rõ đối với các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm dẫn đến làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của của nhà đầu tư tham dự thầu.

**Điều 39. Vi phạm quy định về đàm phán sơ bộ hợp đồng đối với lựa chọn nhà đầu tư**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tiến hành đàm phán sơ bộ hợp đồng trong lựa chọn nhà đầu tư;

b) Ký hợp đồng có nội dung không phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ký hợp đồng trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

b) Triển khai thi công khi chưa ký kết hợp đồng.

**Mục 7. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP****, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 40. Vi phạm quy định về kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi và thông báo lại các thông tin doanh nghiệp đã kê khai không trung thực, không chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 41. Vi phạm quy định về thời hạn đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh quá thời hạn quy định từ 01 đến 30 ngày.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh quá thời hạn quy định từ 31 đến 90 ngày.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên.

**Điều 42. Vi phạm quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không công bố hoặc công bố không đúng thời hạn quy định nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 43. Vi phạm về việc đặt tên doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc;

b) Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp sau ngày 01 tháng 7 năm 2015 có tên trùng, tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu đó;

d) Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh vi phạm quy định tại Điều 40 Luật Doanh nghiệp.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 44. Vi phạm các quy định về thành lập doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển đổi loại hình doanh nghiệp khi công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định trong thời hạn 6 tháng liên tục.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động khi đã kết thúc thời hạn ghi trong Điều lệ mà không được gia hạn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh khi không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị thực tế;

b) Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký doanh nghiệp;

c) Tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích rửa tiền.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc đăng ký giải thể đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Buộc đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông bằng số vốn đã góp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Buộc định giá lại tài sản góp vốn và đăng ký vốn điều lệ phù hợp với giá trị thực tế của tài sản góp vốn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này;

đ) Buộc đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

e) Buộc ngừng hoạt động kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này;

g) Tịch thu toàn bộ tiền, tài sản dùng cho hoạt động kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

**Điều 45. Vi phạm quy định về đăng ký người thành lập doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với người không có quyền thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không có quyền góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp nhưng vẫn thực hiện.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu, công ty cổ phần và công ty hợp danh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Buộc thay đổi thành viên đối với tổ chức, cá nhân góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định đối với hành vi vi phạm tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 46. Vi phạm quy định về chế độ báo cáo và thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi có yêu cầu tạm ngừng của cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Không đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh đối với trường hợp doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gửi báo cáo tới cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc dừng hành vi kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

c) Buộc thay đổi tên doanh nghiệp hoặc buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

**Điều 47. Vi phạm quy định về việc thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quá thời hạn quy định từ 01 đến 30 ngày.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quá thời hạn quy định từ 31 đến 90 ngày.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên.

**Điều 48. Vi phạm các nghĩa vụ thông báo khác**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế về việc cho thuê doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính khi có thay đổi thông tin về người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

c) Không thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thay đổi thông tin cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết;

d) Không thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của công ty cổ phần chưa niêm yết;

đ) Không thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài;

e) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn đến cơ quan đăng ký kinh doanh về thời điểm và thời hạn tạm dừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh;

g) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính về việc có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài đối với công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế nội dung theo quy định đối với hành vi vi phạm tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh các nội dung theo quy định đối với hành vi vi phạm tại Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e và Điểm g Khoản 1 Điều này.

**Điều 49. Vi phạm quy định về người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không có người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam;

b) Không ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm đại diện khi người đại diện theo pháp luật duy nhất của doanh nghiệp xuất cảnh khỏi Việt Nam;

c) Người đại diện theo ủy quyền không đủ tiêu chuẩn hoặc thuộc đối tượng bị cấm;

d) Không quy định về số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại điều lệ công ty đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần;

đ) Không đáp ứng về số lượng người đại diện theo ủy quyền;

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký người đang cư trú tại Việt Nam làm người đại diện của doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc ủy quyền cho người khác làm đại diện đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc thay đổi người đại diện đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

d) Buộc quy định về số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại điều lệ công ty đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

đ) Buộc đăng ký lại số lượng người đại diện theo ủy quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

**Điều 50. Vi phạm khác liên quan đến tổ chức, quản lý doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn quy định;

b) Bổ nhiệm người không được quyền quản lý doanh nghiệp giữ các chức danh quản lý doanh nghiệp;

c) Bổ nhiệm người không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc);

d) Có đối tượng vi phạm về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;

đ) Có thành viên không góp đủ vốn cho công ty, không đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên công ty;

b) Không lập sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông;

c) Không gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; không viết hoặc gắn tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

d) Không lưu giữ các tài liệu tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ công ty.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc miễn nhiệm chức danh quản lý của người không được quyền quản lý doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc miễn nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty cổ phần đối với người không đủ tiêu chuẩn và điều kiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

d) Buộc đăng ký thay đổi thành viên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

đ) Buộc đăng ký thay đổi thành viên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này;

e) Buộc cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

g) Buộc lập sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

h) Buộc gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, viết hoặc gắn tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

i) Buộc lưu giữ tài liệu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.

**Điều 51. Vi phạm quy định về Ban kiểm soát**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức Ban kiểm soát không đúng hoặc không đầy đủ thành phần theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thành lập Ban kiểm soát đối với trường hợp phải thành lập Ban kiểm soát;

b) Bổ nhiệm người không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức lại Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thành lập Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

c) Buộc miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên không đủ tiêu chuẩn và điều kiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

**Điều 52. Vi phạm quy định về thành lập, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh ở địa điểm mà không thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh;

b) Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nhưng không thông báo cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh;

c) Chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đã đăng ký nhưng không thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện chuyển đến.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thông báo nơi đặt địa điểm kinh doanh, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 53. Vi phạm quy định về công ty hợp danh**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty;

b) Thành viên hợp danh đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại).

c) Thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn không nộp đủ số vốn cam kết góp vào công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng thành viên quyết định thời hạn khác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bổ sung đủ thành viên hợp danh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

**Điều 54. Vi phạm quy định về doanh nghiệp tư nhân**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần;

b) Không ghi chép đầy đủ việc tăng hoặc giảm vốn đầu tư; toàn bộ vốn và tài sản kể cả vốn vay và tài sản thuê được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vào sổ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp;

c) Không đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi giảm vốn đầu tư xuống thấp hơn vốn đầu tư đã đăng ký;

d) Thành lập nhiều doanh nghiệp tư nhân hoặc đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh;

đ) Cho thuê doanh nghiệp tư nhân nhưng không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh;

e) Mua doanh nghiệp tư nhân nhưng không đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ghi chép đầy đủ thông tin vào sổ kế toán, báo cáo tài chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Buộc đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi giảm vốn đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

d) Buộc đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này.

 **Điều 55. Vi phạm về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp**

 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không gửi hoặc gửi không đúng hời hạn Nghị quyết, Quyết định chia công ty đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết;

b) Công ty bị tách không đăng ký thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống (nếu có) hoặc không đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được tách;

c) Không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn Nghị quyết, Quyết định tách công ty đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động;

d) Không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn Hợp đồng hợp nhất đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết;

đ) Không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn Hợp đồng sáp nhập đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết;

e) Không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty bị sáp nhập đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải gửi Nghị quyết, Quyết định chia công ty cho tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc đăng ký thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống (nếu có); buộc đăng ký doanh nghiệp bị tách đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc gửi Nghị quyết, Quyết định tách công ty cho các chủ nợ và thông báo cho người lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

d) Buộc gửi hợp đồng hợp nhất cho các chủ nợ và thông báo cho người lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

đ) Buộc gửi hợp đồng sáp nhập cho các chủ nợ và thông báo cho người lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

e) Buộc gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này.

**Điều 56. Vi phạm quy định về giải thể doanh nghiệp**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không giải thể doanh nghiệp khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

b) Không chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khi đăng ký giải thể doanh nghiệp.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 57. Vi phạm quy định đối với doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công ty con đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ;

b) Các công ty con của cùng một công ty mẹ đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau;

c) Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước cùng nhau góp vốn,mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thoái vốn, rút cổ phần từ công ty mẹ hoặc công ty con khác đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thoái vốn khỏi doanh nghiệp đã mua cổ phần hoặcđược thành lập mới đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

**Điều 58. Vi phạm các quy định về chào bán cổ phần, trái phiếu riêng lẻ đối với công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng**

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Chào bán cổ phần không đáp ứng điều kiện theo quy định.

2. Chào bán trái phiếu riêng lẻ không đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3. Chào bán trái phiếu riêng lẻ không đúng đối tượng theo quy định.

**Điều 59. Vi phạm quy định đối với doanh nghiệp xã hội**

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký;

b) Sử dụng không đúng mục đích các khoản tài trợ được huy động;

c) Không gửi cam kết, thông báo hoặc gửi cam kết, thông báo không đúng thời hạn tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính khi có sự thay đổi nội dung, chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ vốn để tái đầu tư thực hiện mục tiêu đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả các khoản tài trợ được sử dụng không đúng mục đích đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc gửi cam kết, thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

**Điều 60. Vi phạm quy định về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước không đầy đủ, không chính xác, không đúng thời hạn;

b) Có nhiều hơn một (01) người đại diện theo pháp luật nhưng không thông báo với cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước hoặc không công khai trên cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

c) Thực hiện công bố thông tin qua người được ủy quyền công bố thông tin nhưng không gửi thông báo ủy quyền tới cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Tạm hoãn công bố thông tin nhưng không báo cáo lý do của việc tạm hoãn hoặc không gửi thông báo đề nghị tạm hoãn công bố thông tin cho cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập trang thông tin điện tử của doanh nghiệp theo quy định;

b) Không xây dựng Quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định;

c) Không công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp (http://www.business.gov.vn) các thông tin công bố định kỳ và bất thường theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung hoặc sửa đổi nội dung thông tin công bố đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc báo cáo, thông báo hoặc công khai thông tin theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều này;

c) Buộc lập trang thông tin điện tử, xây dựng Quy chế công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Mục 8. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 61. Vi phạm quy định về đăng ký hộ kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cá nhân, các thành viên hộ gia đình đăng ký kinh doanh nhiều hơn một hộ kinh doanh;

b) Thành lập hộ kinh doanh do những người không được quyền thành lập;

c) Không đăng ký thành lập hộ kinh doanh trong những trường hợp phải đăng ký theo quy định;

d) Không đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

 **Điều 62. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi ngành, nghề kinh doanh nhưng không gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở chính.

 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.

 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

 a) Buộc gửi thông báo cho Phòng đăng ký kinh doanh nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc chấm dứt hoạt động kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Điều 63. Vi phạm quy định về chế độ thông tin báo cáo của hộ kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không báo cáo tình hình kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện;

b) Thay đổi chủ hộ kinh doanh nhưng không gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký;

c) Tạm ngừng kinh doanh từ 30 ngày trở lên nhưng không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế trực tiếp quản lý;

d) Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo nhưng không gửi thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký;

đ) Chuyển địa điểm kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện;

e) Ngừng hoạt động kinh doanh quá 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện;

g) Chấm dứt hoạt động kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh mà không thông báo hoặc không nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 64. Vi phạm các quy định khác về đăng ký hộ kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hoạt động kinh doanh tại nhiều địa điểm nhưng không đăng ký trụ sở hộ kinh doanh hoặc không thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh, Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan quản lý thị trường nơi tiến hành hoạt động kinh doanh đối với các địa điểm kinh doanh còn lại;

b) Đặt tên riêng hộ kinh doanh trùng với tên riêng của hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi cấp huyện.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký trụ sở hộ kinh doanh, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi hộ kinh doanh tiến hành kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc đổi tên hộ kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Mục 9. VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 65. Vi phạm các quy định về đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi một trong các nội dung về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Không thông báo thay đổi các nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Đăng ký không trung thực, không chính xác những thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thông báo thay đổi các nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đới với hành vi vi phạm tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc đăng ký lại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này;

**Điều 66. Vi phạm các quy định về hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức Đại hội thành viên thường niên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

b) Không lập sổ đăng ký thành viên sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc sổ đăng ký thành viên không đầy đủ nội dung theo quy định;

c) Không lưu giữ các tài liệu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hoạt động mang danh nghĩa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Kinh doanh ngành, nghề không được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Tiếp tục hoạt động trong thời gian hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thông báo tạm ngừng hoạt động.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiếp tục hoạt động khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Kinh doanh ngành, nghề có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức Đại hội thành viên thường niên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập sổ đăng ký thành viên theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc bổ sung, lưu trữ các tài liệu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

d) Buộc đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

đ) Buộc ngừng hoạt động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này và Điểm a, Điểm b Khoản 3 này.

**Điều 67. Vi phạm về chế độ thông tin báo cáo của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

 a) Không thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hoạt động theo quy định;

 b) Không gửi thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, hợp tác xã thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, địa điểm kinh doanh.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gửi báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi thông báo báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**Điều 68. Vi phạm quy định về góp vốn vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không huy động đủ số vốn đã đăng ký theo quy định của Điều lệ nhưng thời hạn góp đủ vốn chưa vượt quá 06 tháng kể từ ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký;

b) Không duy trì mức vốn pháp định đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định;

c) Không cấp giấy chứng nhận góp vốn cho thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên;

d) Sử dụng các nguồn vốn thuộc tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp;

đ) Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp có tổng mức đầu tư vượt quá 50% vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trước thời điểm thực hiện góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp;

e) Không thông báo với cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký sau khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp;

h) Gian lận trong việc định giá tài sản vốn góp.

 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi chưa được Đại hội thành viên quyết định, thông qua;

b) Một thành viên góp vốn lớn hơn 20% tổng số vốn góp của hợp tác xã hoặc một hợp tác xã thành viên góp vốn lớn hơn 30% tổng số vốn góp của liên hiệp hợp tác xã.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ vốn góp như đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cấp Giấy chứng nhận góp vốn cho thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc hoàn trả các nguồn vốn thuộc tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

d) Buộc điều chỉnh tổng mức đầu tư của việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này;

đ) Buộc thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này;

e) Buộc định giá lại tài sản góp vốn và đăng ký vốn điều lệ phù hợp với giá trị thực tế của tài sản góp vốn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều này.

g) Buộc điều chỉnh lại tỷ lệ vốn góp phù hợp với quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

**Điều 69. Vi phạm quy định về chia, tách, sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quyết định chia, tách và giải quyết các vấn đề có liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới;

b) Không thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của mình về quyết định hợp nhất, phương án hợp nhất;

c) Không thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của mình về quyết định sáp nhập.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiến hành thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

**Điều 70. Vi phạm quy định về hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh không phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh không mang tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

 c) Đăng ký địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của mình.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký không trung thực, không chính xác những thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc kê khai lại đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Mục 10.** **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

**Điều 71. Vi phạm về chế độ báo cáo và cung cấp thông tin quy hoạch**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp thông tin quy hoạch không đúng hình thức theo quy định;

b) Đăng tải thông tin về quy hoạch không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo không trung thực, không chính xác tình hình thực hiện quy hoạch;

b) Không cung cấp thông tin quy hoạch theo quy định;

c) Không lưu trữ hồ sơ quy hoạch hoặc lưu trữ hồ sơ quy hoạch không đầy đủ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý cung cấp sai thông tin về quy hoạch;

b) Hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu liên quan đến quy hoạch;

c) Cản trở việc tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đính chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Buộc lưu trữ hoặc bổ sung hồ sơ lưu trữ quy hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

d) Buộc cung cấp lại thông tin về quy hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

đ) Buộc chấm dứt hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

 **Điều 72. Vi phạm quy định về lập, điều chỉnh quy hoạch**

 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lập dự toán, quyết toán chi phí lập quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch không đúng đơn giá, định mức theo quy định.

 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi điều chỉnh quy hoạch không đúng trình tự, thủ tục hoặc thẩm quyền theo quy định.

 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả các khoản chi phí bị tăng thêm do việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí lập hoặc điều chỉnh quy hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

 **Điều 73. Vi phạm quy định về thực hiện quy hoạch**

1.Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

 a) Không lập kế hoạch thực hiện quy hoạch;

b) Công bố quy hoạch không đúng hình thức quy định;

c) Không gửi báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức công bố quy hoạch;

b) Không tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định.

 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập kế hoạch thực hiện quy hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch đến cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc tổ chức công bố quy hoạch theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

d) Buộc tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 74. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư**

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Chánh thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đấu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đấu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đầu tư, đấu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

**Điều 75. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đấu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đấu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

**Điều 76. Thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thuế**

1. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Thuế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thuế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

**Điều 77. Thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường**

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

**Điều 78. Phân định thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan Thuế và Quản lý thị trường**

1. Những người có thẩm quyền của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 74 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Những người có thẩm quyền của cơ quan Thuế có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 18, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 23, Điều 41, Khoản 1 Điều 42, Khoản 2 Điều 44, Điểm b và Điểm c Khoản 4 Điều 44, Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 52, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ và Điểm e Khoản 1 Điều 54, Điểm d Khoản 1 Điều 55, Điều 56, Điểm c Khoản 1 Điều 59, Khoản 1 Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 76 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền của cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 và Khoản 3 Điều 16, Điều 41, Điều 43, Khoản 2, Điểm b và Điểm c Khoản 4 Điều 44, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điểm c Khoản 2 Điều 50, Điều 52, Điểm d, Điểm đ và Điểm e Khoản 1 Điều 54, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Khoản 1 Điều 65, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 66, Điều 70 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 77 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**Điều 79. Xác định thẩm quyền xử phạt**

Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh được quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 và Điều 77 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt cá nhân bằng 1/2 (một phần hai) lần thẩm quyền xử phạt tổ chức.

**Điều 80. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76 và Điều 77 của Nghị định này.

2. Công chức thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính trong những lĩnh vực quy định tại Nghị định này.

3. Công chức thuộc cơ quan thanh tra Kế hoạch và Đầu tư được phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chuyên ngành độc lập hoặc theo đoàn thanh tra.

4. Công chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước khác được giao nhiệm vụ kiểm tra trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về: quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; hoạt động đầu tư tại Việt Nam và hoạt động đầu tư ra nước ngoài; đấu thầu; đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 81. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

**Điều 82. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đã có quyết định hoặc kết quả xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng Nghị định số 50/2016/NĐ-CP để xử lý.

2. Các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định về xử phạt tại Nghị định này nếu có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

**Điều 83. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán Nhà nước;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;- Liên minh hợp tác xã Việt Nam;- Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam;- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;- Hiệp hội doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại VN;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (3b) | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |